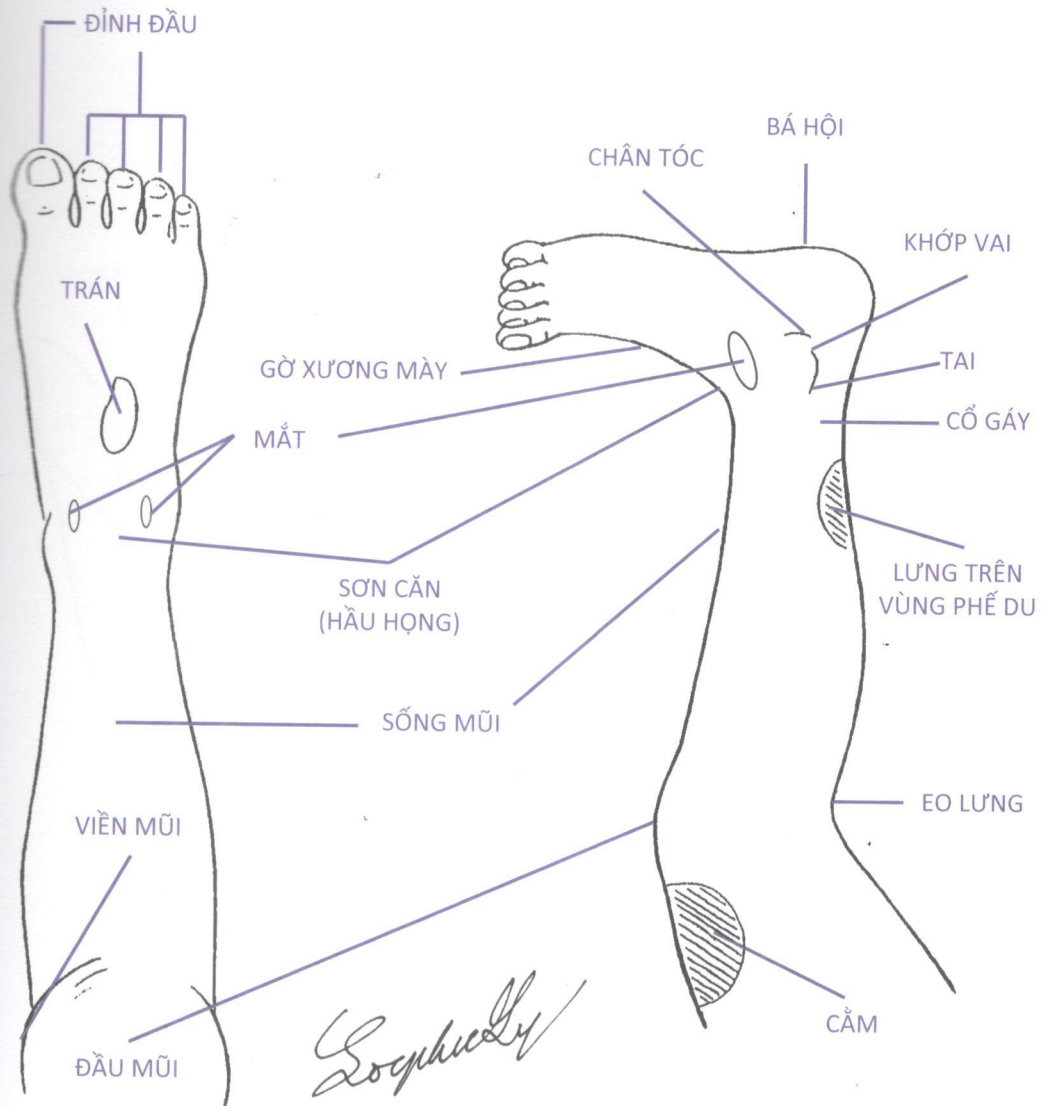
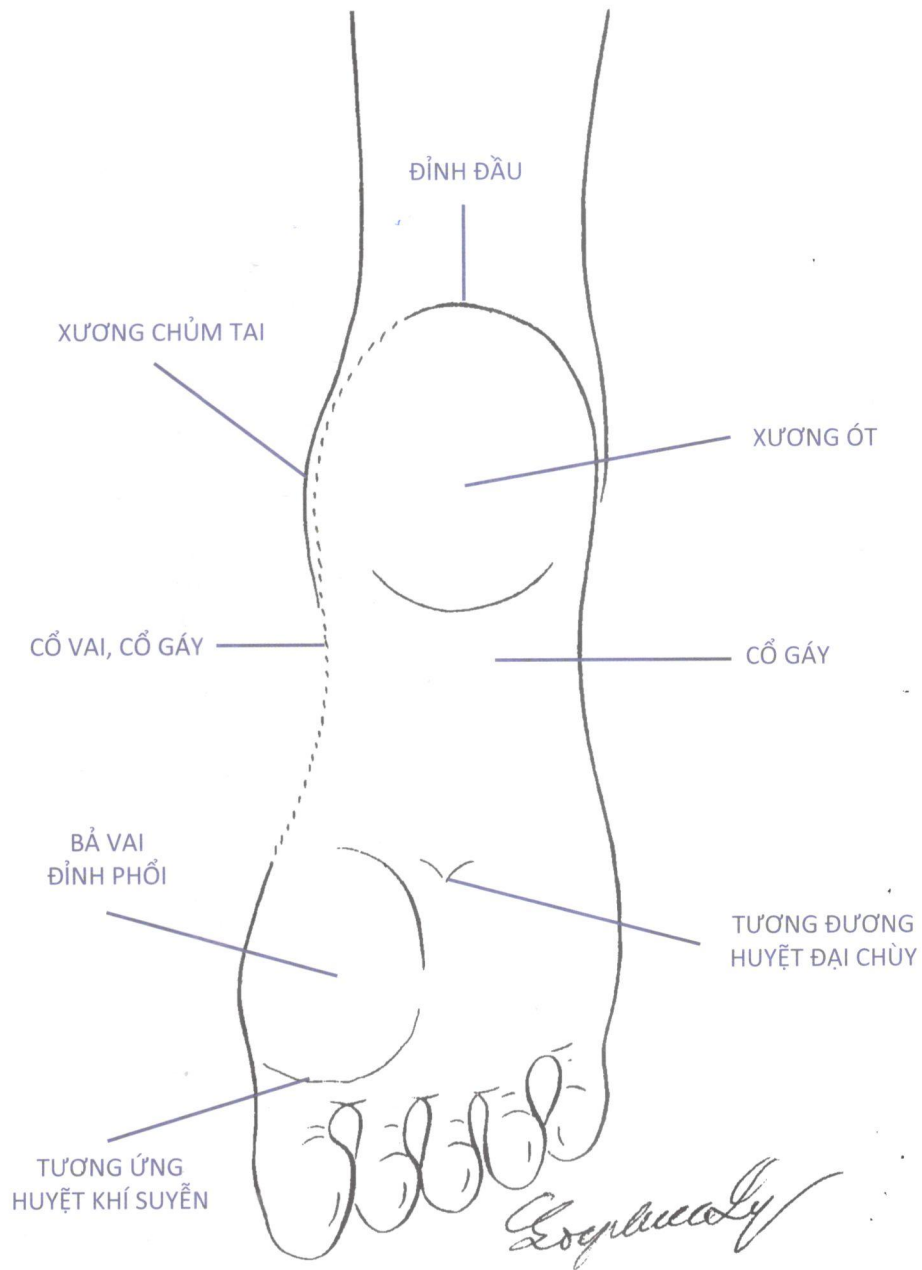


Hình Phản Chiếu Đầu và Mặt trên Bàn Chân, Cẳng Chân



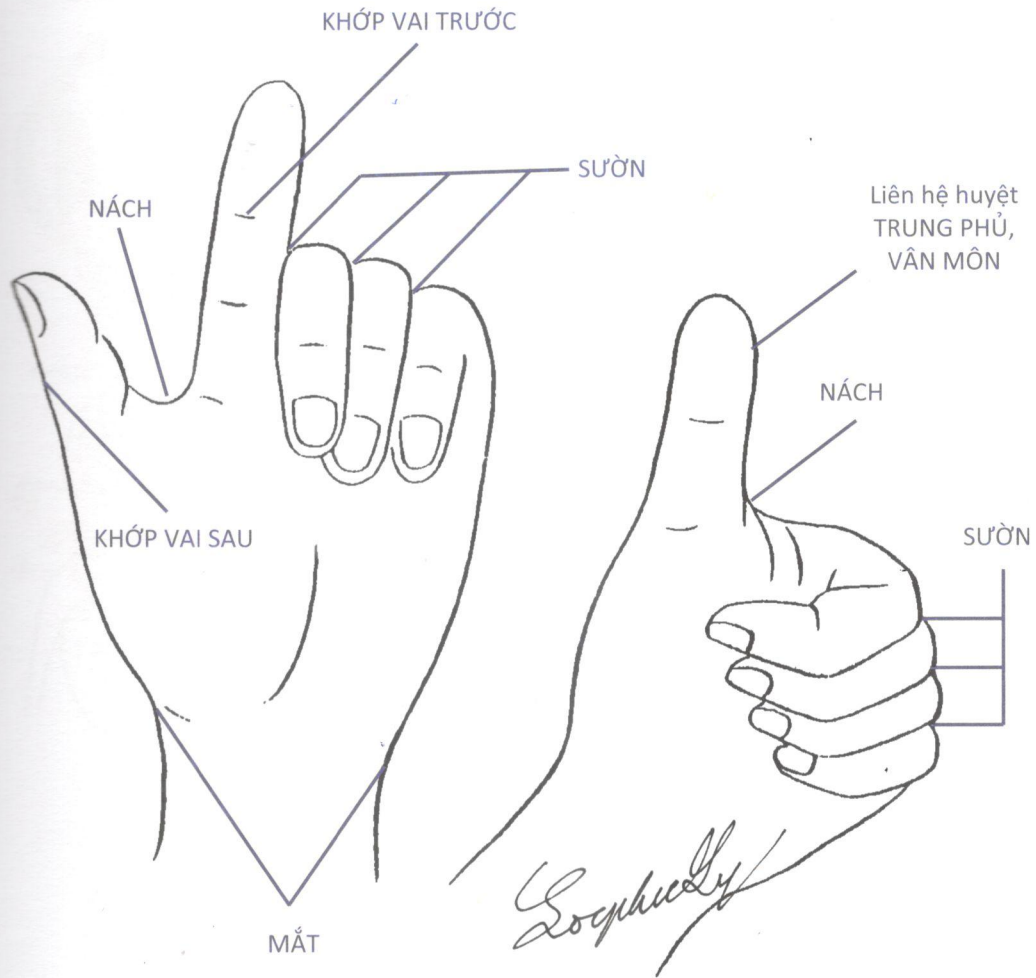
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Đầu và Cổ Gáy trên Bàn Chân



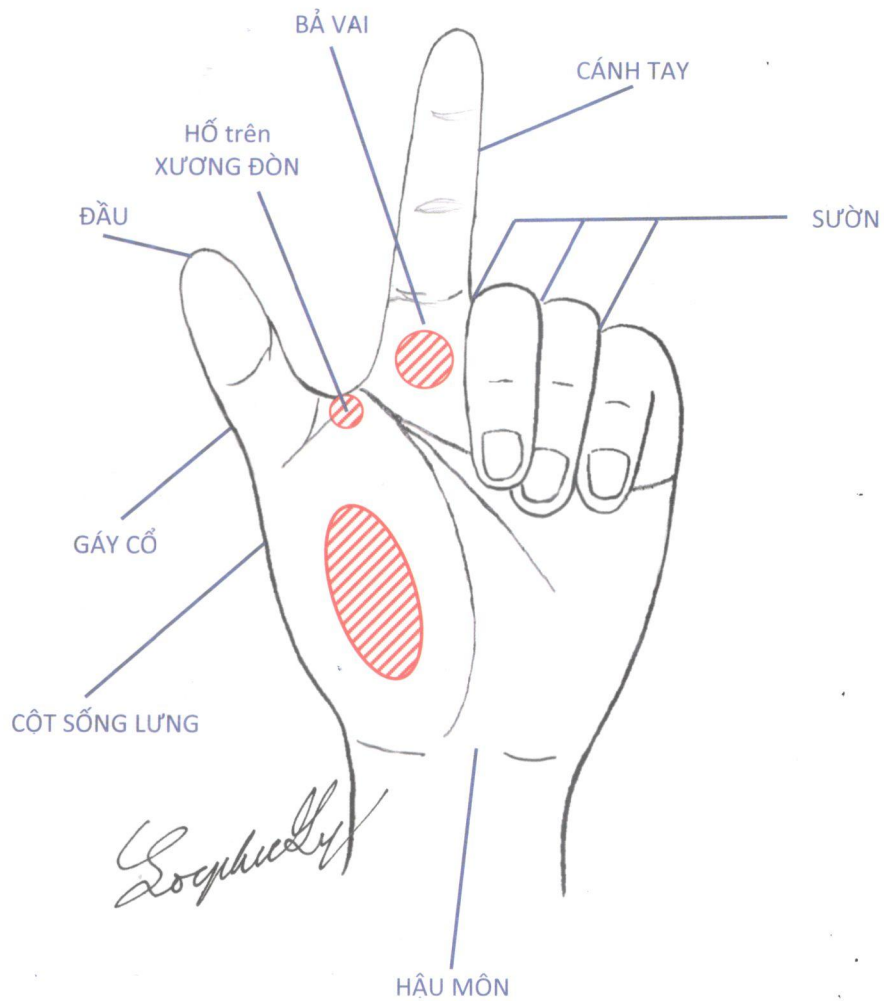
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Khớp Xương Bả Vai, Xương Sườn trên Bàn Tay #1



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

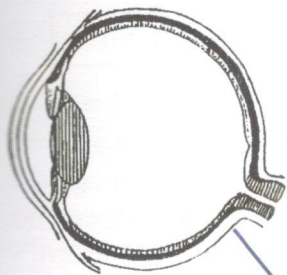
Hình Phản Chiếu Khớp Xương Bả Vai trên Bàn Tay #2



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Thai Nhi, Cột Sống, Thận, Bao Tử, Mắt, Hồ Chậu trên Loa Tai

MẶT SAU LOA TAI ĐỒNG
HÌNH VỚI VỔNG MÔ



THÂN TRƯỚC
BAO TỬ TƯƠNG
ỨNG VỚI RĂNG
BÌNH TAI

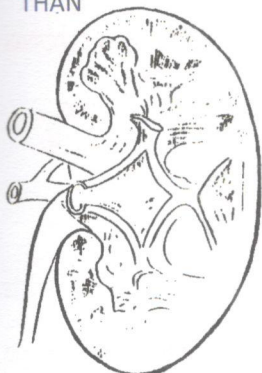


THÂN SAU BAO TỬ ĐỒNG HÌNH
VỚI CHÂN TAI MẶT SAU



THAI NHI

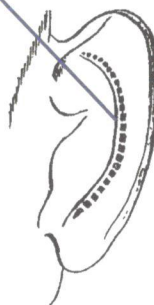
THẬN



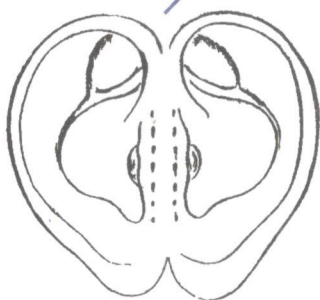
QUÁCH TAI ĐỒNG HÌNH VỚI
CỘT SỐNG (PHÍA BỤNG)



CUNG SAU LOA TAI ĐỒNG HÌNH
VỚI CỘT SỐNG (PHÍA LƯNG)



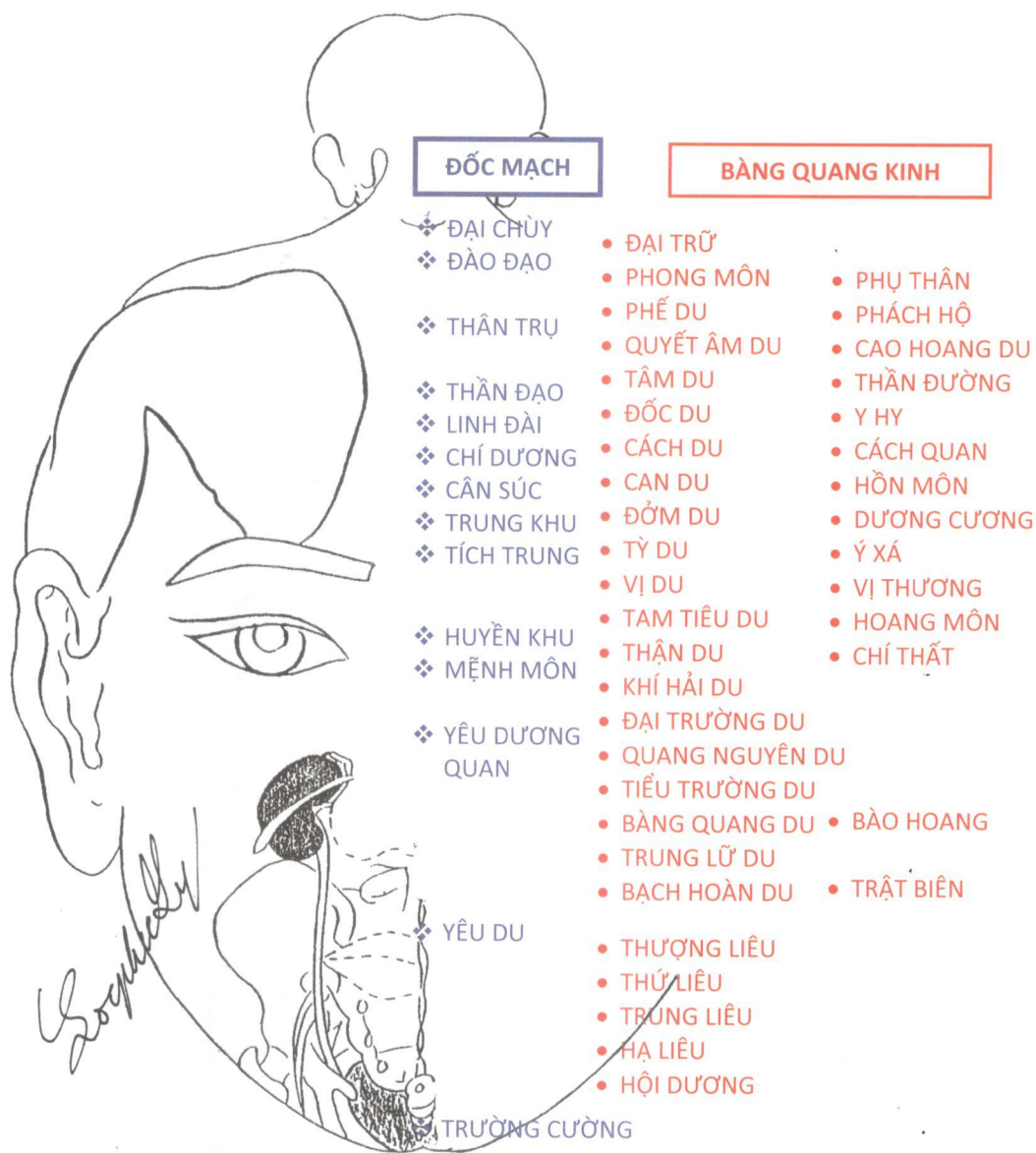
HAI TAI ĐỒNG HÌNH VỚI HỒ CHẬU



Lý Phước Lộc

Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Mặt trên vùng Lưng



PHẦN II: ĐỒNG ỨNG TRỊ LIỆU PHÁP

Đồng Ứng Trị Liệu Pháp (ĐƯTLP) là phương pháp điều trị những bệnh chứng không dùng thuốc, không dùng kim châm, hay dụng cụ.

Chủ yếu bằng những phương tiện cơ hữu của bản thân như: Ngón tay, Bàn tay, Cùi chỏ, Gót chân, v.v. Người trị bệnh vẫn có thể dò tìm, tác động chính xác vào Sinh-Huyết theo Lý Đồng Ứng. Chính vì vậy ĐƯTLP lấy Sinh-Huyết làm cơ sở cho việc Chẩn và Trị.

A. SINH-HUYỆT LÀ GÌ?

Sinh-Huyết là biểu hiện bất thường hay điểm nhạy cảm nhất khi cơ thể đã và đang có bệnh. Sinh-Huyết thường được tìm thấy ở những nơi có tương quan mật thiết với bệnh theo lý Đồng Ứng.

Khi Sinh-Huyết được phát hiện và tác động kịp thời, hiện tượng Cảm Ứng xảy ra như Lực Đòn Bẩy, đẩy đi những Rối Loạn chức năng của cơ thể một cách kỳ diệu. Tương tự như chúng ta tìm được chìa khoá ăn khớp với ổ khoá; chỉ cần xoay nhẹ chìa khoá, cửa sẽ mở.

Sinh-Huyết thường có ba dạng:

- ❖ Thống điểm (mới xảy ra)
 - Đau/Thốn: khi Ấn Chẩn
 - Nóng Rát: khi Hơ Cứu
- ❖ Biểu hiện khác thường (đã xảy ra)
 - Cộm Cứng, Nốt Ruồi, Tàn nhang, Mụn Nhọt đỏ/xanh/trắng, Chỉ Máu v.v.)
- ❖ Bất Thống điểm (không đau hay không cảm giác một cách bất thường)

B. TÌM SINH-HUYỆT THEO LÝ ĐỒNG ỨNG

Như đã nói Sinh-Huyết là một biểu hiện thông tin bệnh lý, đồng thời là cửa ngõ của sự khai thông khí huyết, tái lập lại những trật tự của cơ thể. Do vậy ĐƯTLP lấy Sinh-Huyết làm cơ sở cho việc Chẩn Trị; và công việc Chẩn Trị thường xảy ra đồng lúc.

Việc Chẩn Trị này đạt được Hiệu quả đến đâu tùy thuộc vào sự hợp tác và cảm thông giữa bệnh nhân và người điều trị.

Dựa vào thuyết Âm Dương, Tam Tài, Lý Đồng Ứng, Sinh-Huyết được xác định theo ba yếu tố: Đồng Hình, Đồng Thế, và Đồng Thể.

- ❖ Đồng về Hình: Đồng Dạng (Giống nhau)
- ❖ Đồng về Thế: Động/Tĩnh, Cao/Thấp, Co/Thẳng, v.v.
- ❖ Đồng về Thể: Mềm/Cứng, Thô/Láng, Mỏng/Dày, v.v.

Thí dụ:

- Chỏ/Gối, Khuỷu/Khoeo, Cổ tay/Cổ chân/Cổ gáy/Cổ Họng, v.v.
- Bụng/Khoeo/Khuỷu, Ót/Gót, Nách/Háng, Mông/Vai/Gót, v.v.

C. LÝ ĐỒNG ỨNG

Theo Học Thuyết Âm Dương: Vạn Hữu Không ngoài Âm Dương. Âm Dương tuy Dị mà Tương Đồng. Chúng có thể hóa giải hay hỗ tương, cùng tồn tại và phát triển theo quy luật của Vũ Trụ.

Mọi cơ quan Tạng Phủ của con người cũng theo quy luật Âm Dương. Chúng có mối tương quan mật thiết với nhau trong một khối thống nhất.

Thông thường có Tương Đồng sẽ có Tương Ứng, nếu có Đồng nhưng không Ứng thì Sinh-Huyệt chưa được xác định; chúng ta phải tìm Sinh-Huyệt ở một nơi khác. Có nghĩa là chúng ta phải uyển chuyển linh động vận dụng lý "Tùy Duyên Đối Đãi" trong lúc thực hành.

Thí dụ: Chứng Thiên Đầu Thống, tìm Sinh-Huyệt ở một trong hai ngón tay giữa. Sinh-Huyệt có thể báo ở mắt giữa hay mắt thứ nhất (gần móng). Sinh-Huyệt báo nơi nào thì tác động nơi đó.

Chứng Ngón Tay Cái Vô Lực, tìm Sinh-Huyệt ở ngón chân cái, khoeo mũi, nách trước, hay má ngoài gối. Sinh-Huyệt báo nơi nào thì theo lý "Tùy Duyên" tác động ở đó.

D. QUAN ĐIỂM

Bệnh trạng có hai loại:

- ❖ Bệnh Chứng: Rối loạn Chức Năng
- ❖ Bệnh Tật: Tổn thương cụ thể hay những bệnh bẩm sinh (thuộc tiến trình Sinh, Lão, Bệnh, Tử)

ĐU'TLP có khả năng điều chỉnh rối loạn chức năng và giảm sự lão hóa, nhưng không thể chữa bệnh tật đã nêu trên.

Khi nhận định được Sinh-Huyệt, bất cứ ai cũng có thể chữa được bệnh cho chính bản thân, gia đình, và người thân không phân biệt tuổi tác hay giới tính.

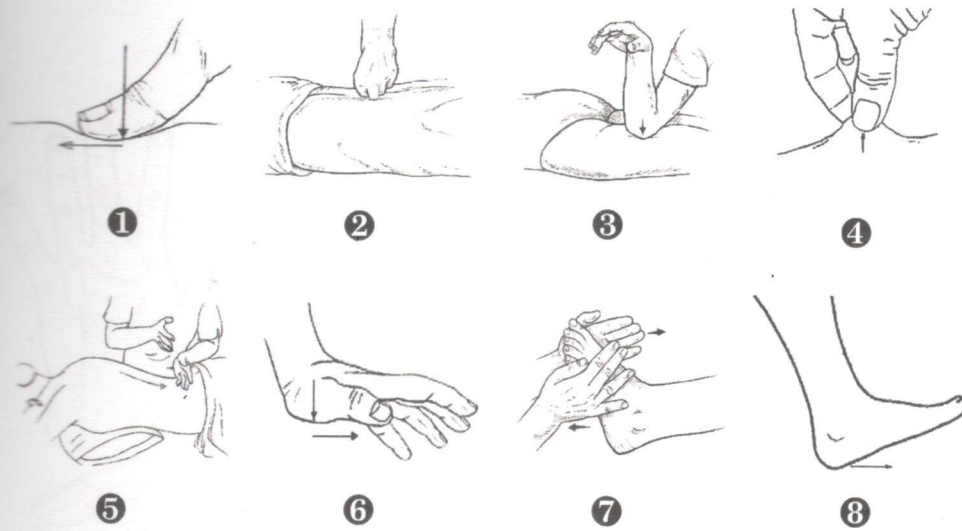
E. TÍNH NĂNG

- ❖ Chẩn Trị đồng lúc
- ❖ Đơn Giản
- ❖ Hiệu Quả
- ❖ Nhanh Chóng
- ❖ Tự Nhiên
- ❖ Dễ Học - Dễ Hành
- ❖ Không phản ứng phụ

F. PHƯƠNG CHÂM

- ❖ Phòng Bệnh hơn Chữa Bệnh
- ❖ Giúp Mình- Giúp Người

E. KỸ THUẬT THAO TÁC



Dùng một trong những thao tác ở trên hoặc dùng máy sấy tóc để tìm Sinh-Huyệt theo những điểm hướng dẫn điều trị của từng bệnh. Sau khi xác định được Sinh-Huyệt, day ấn các Sinh-Huyệt 7 lần hoặc hơi sấy 7 giây. Làm từ 2 đến 3 thời (sáng, trưa, chiều) mỗi ngày cho đến khi khỏi bệnh. Nếu bệnh vẫn còn nhưng các Sinh-Huyệt không còn báo đau hay nóng nữa (tức là những điểm này không còn là Sinh-Huyệt), quý vị cần phải tìm Sinh-Huyệt khác tương ứng với bệnh.

Xin quý vị dùng cả hai bên của cơ thể (thí dụ ngón chân cái bên trái và phải, bả vai trái và phải) trong khi tìm Sinh-Huyệt, sau đó chọn bên đau hay nóng nhất làm Sinh-Huyệt để chữa trị.

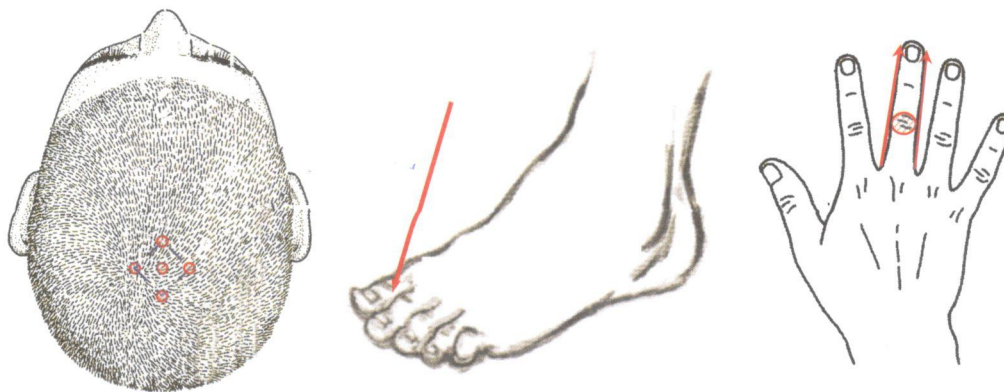
Hướng dẫn dùng máy sấy trong VNĐULP: khi tìm Sinh-Huyệt; dùng máy sấy với công suất tối đa 1000W, bật máy sấy ở mức thấp nhất và cách mặt da khoảng 1 inch (2.5cm). Lưu ý Sinh-Huyệt là điểm nóng nhanh nhất, do vậy khi tìm Sinh-Huyệt chỉ hơi sấy trong khoảng thời gian 5-7 giây. Nếu bệnh nhân không cảm thấy nóng sau 7 giây, thì phải di chuyển sang chỗ khác để tìm Sinh-Huyệt. Khi xác định được Sinh-Huyệt thì giữ nguồn nhiệt ngay Sinh-Huyệt trong vòng 7 giây.

Chữ "**Sấy**" hay "**Hơi Cứu**" trong sách này có nghĩa "**dùng máy Sấy tóc hay Ngải Cứu truyền hơi nóng** vào Sinh-Huyệt hay một bộ phận của cơ thể".

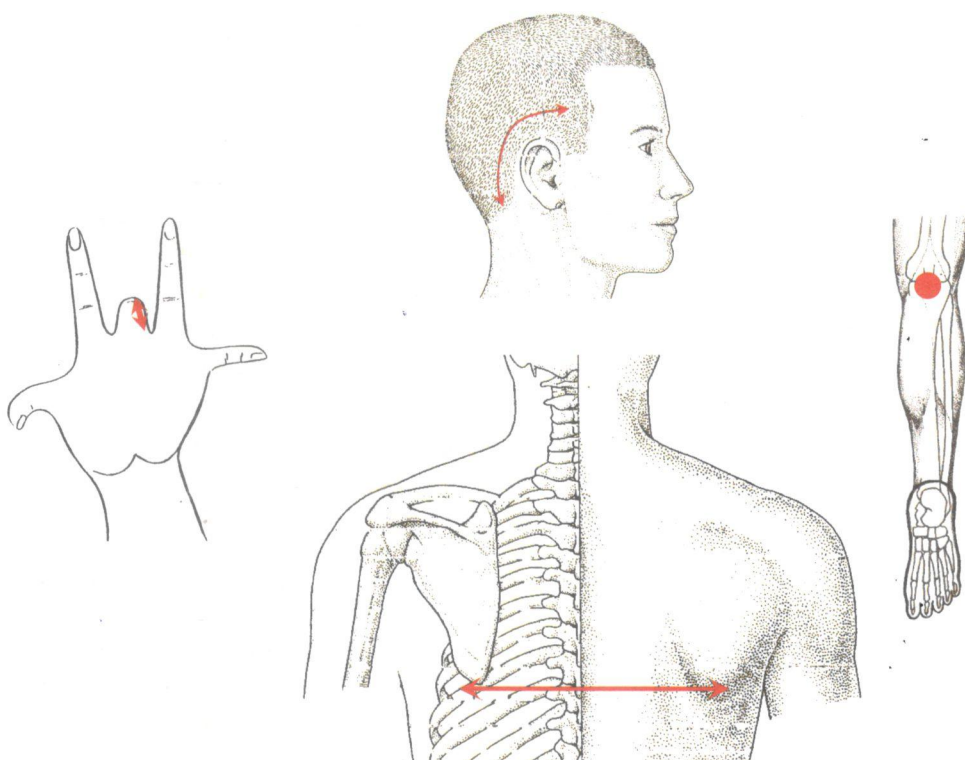
PHẦN III: PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

A. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG

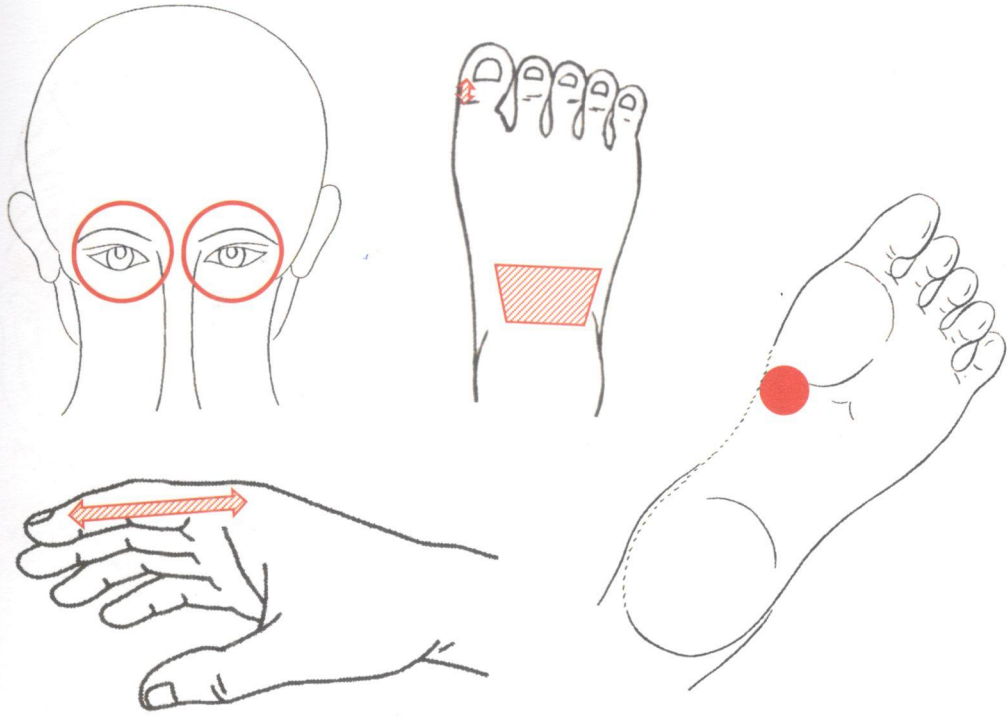
1. Nhức Đỉnh Đầu (Headache on top of head)



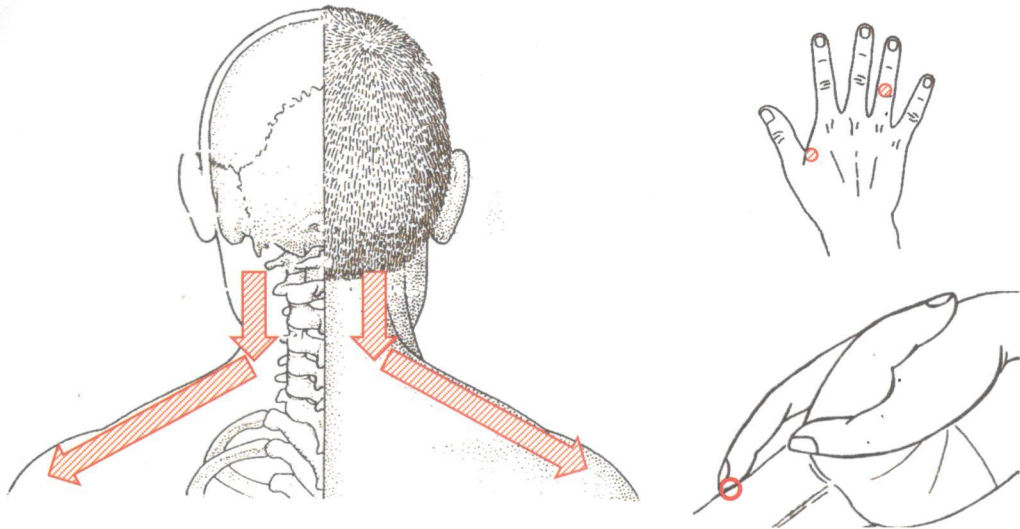
2. Thiên Đầu Thống (Migraine Headache)



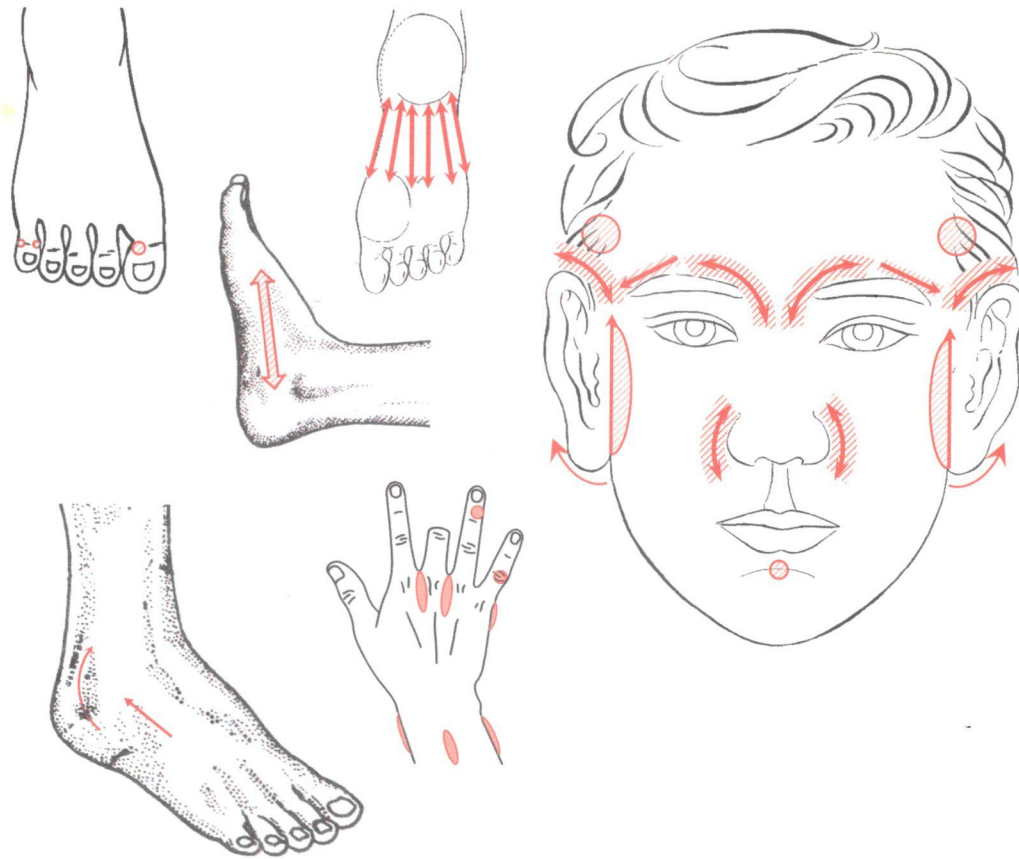
3. Nhức Đầu Ở Trán (Headache in the forehead)



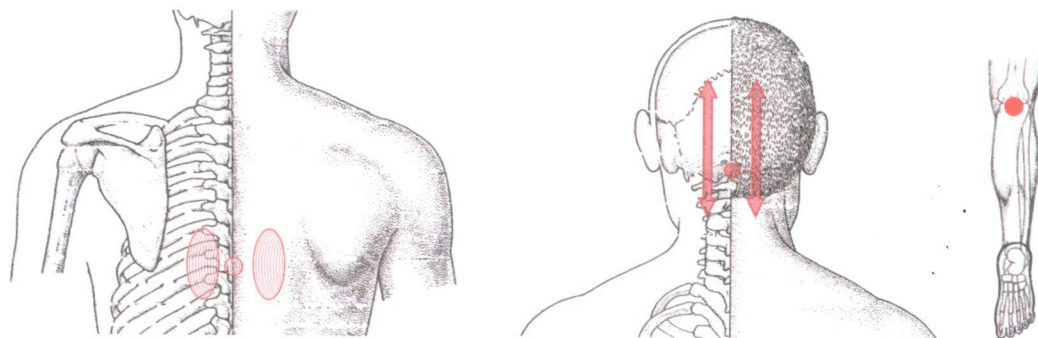
4. Nhức Đầu Hai Thái Dương (Temple headache)



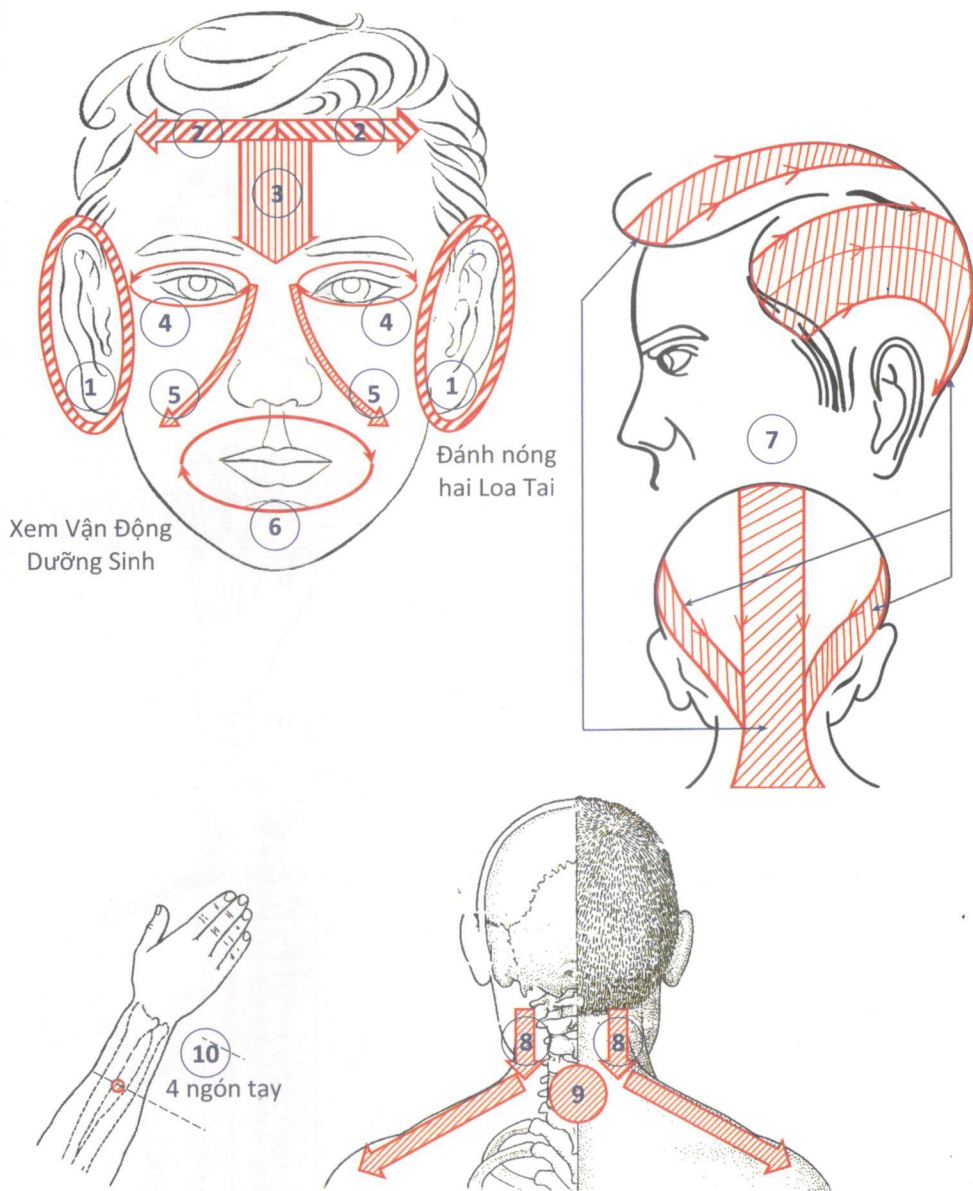
5. Nhức Đầu Chằm Gáy (Back headache)



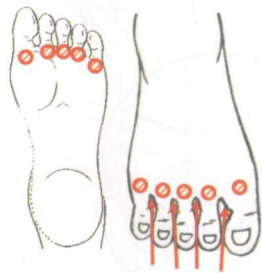
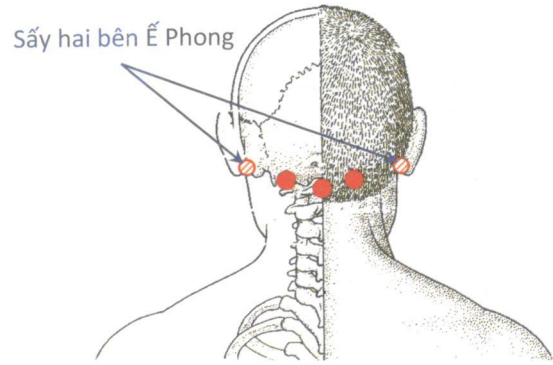
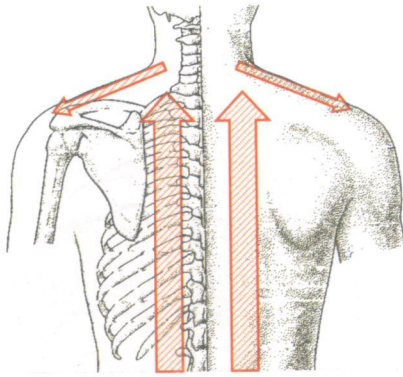
6. Chóng Mặt (Dizziness)



7. Cảm Cúm (Cold, Influenza)

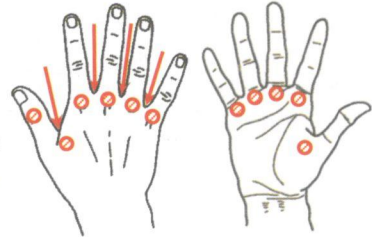


8. Dị Ứng Ngoài Da (Skin allergy)

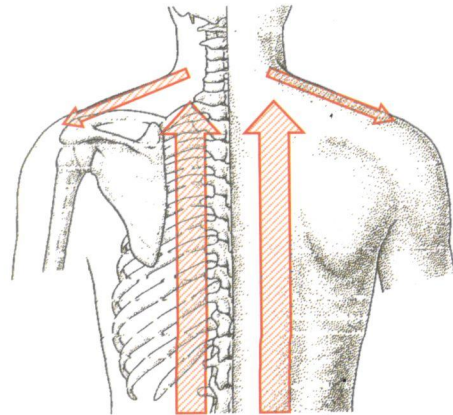
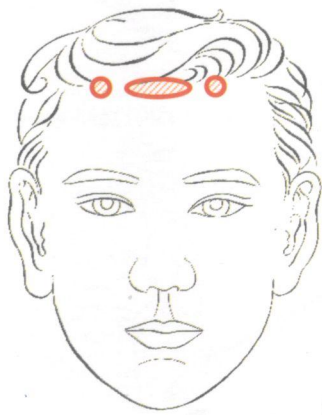


Sấy Trên, Dưới, và Giữa kẽ ngón Tay và Chân

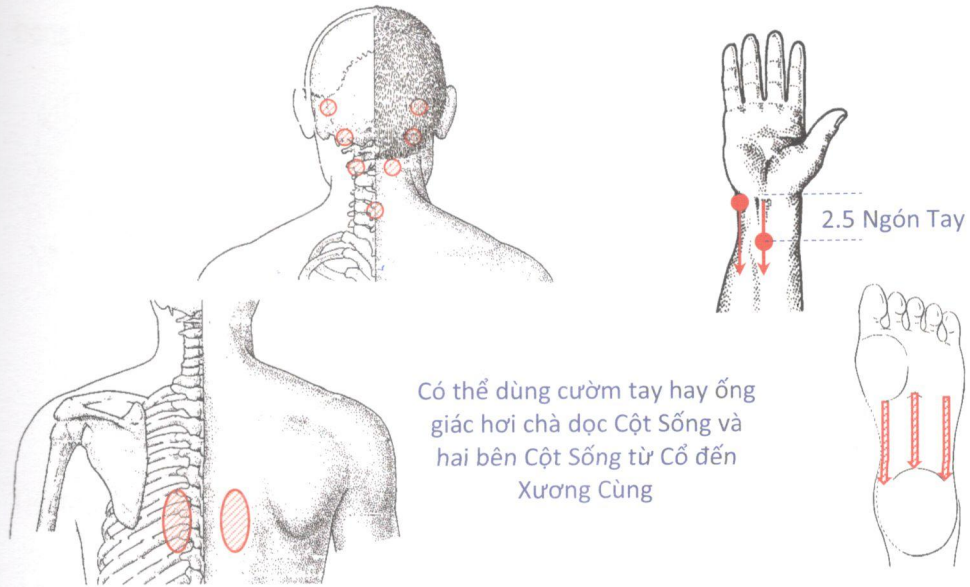
Hơ xung quanh bàn tay và chân theo ranh giới giữa hai màu da qua các tuyến ngón út, cổ Tay (cổ Chân), và ngón Cái



9. Dị Ứng Phần Hoa / Mùi (Pollen/Smell allergy)



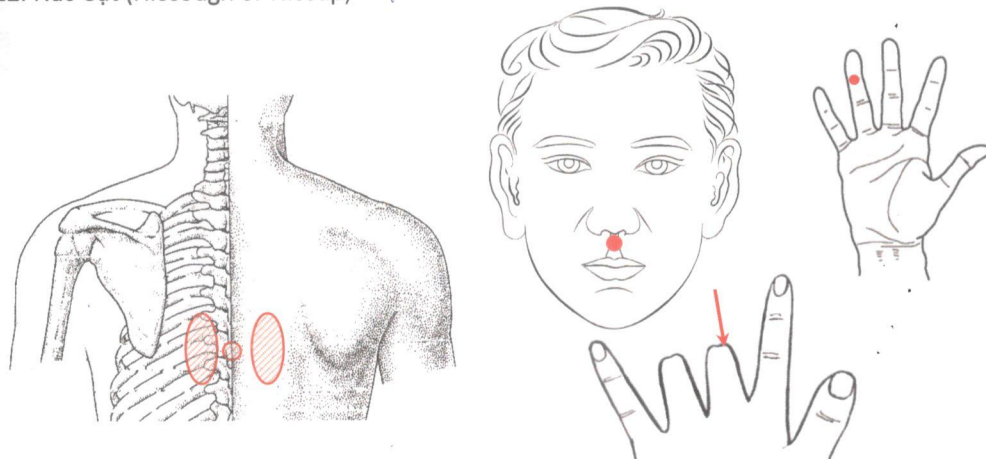
10. Mất Ngủ (Insomnia)



11. Cảm Nặng, Sốt (Fever)

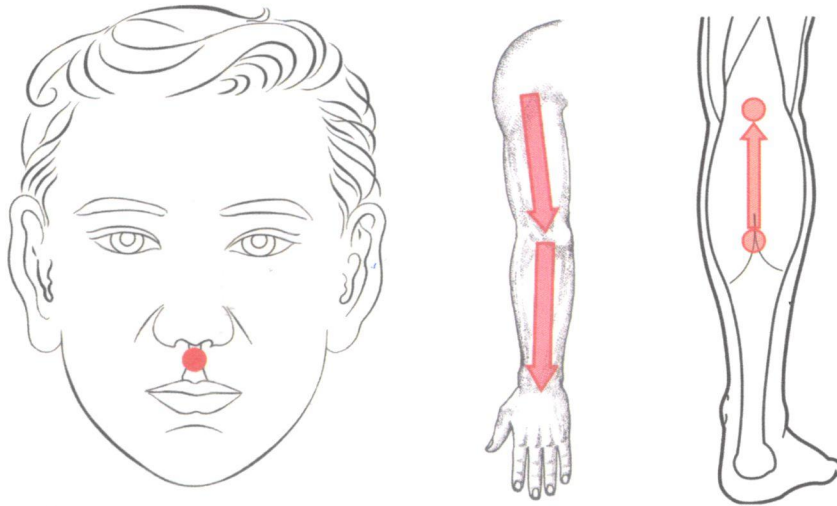


12. Nấc Cụt (Hiccough or Hiccup)



- ❖ Nếu bệnh nhân quá mệt hơ cứu thêm từ Khí Hải lên Trung Quản, Đản Trung
- ❖ Hơ cứu mặt dưới hai ngón tay và chân Cái

13. Vọp Bẻ (Cramps)

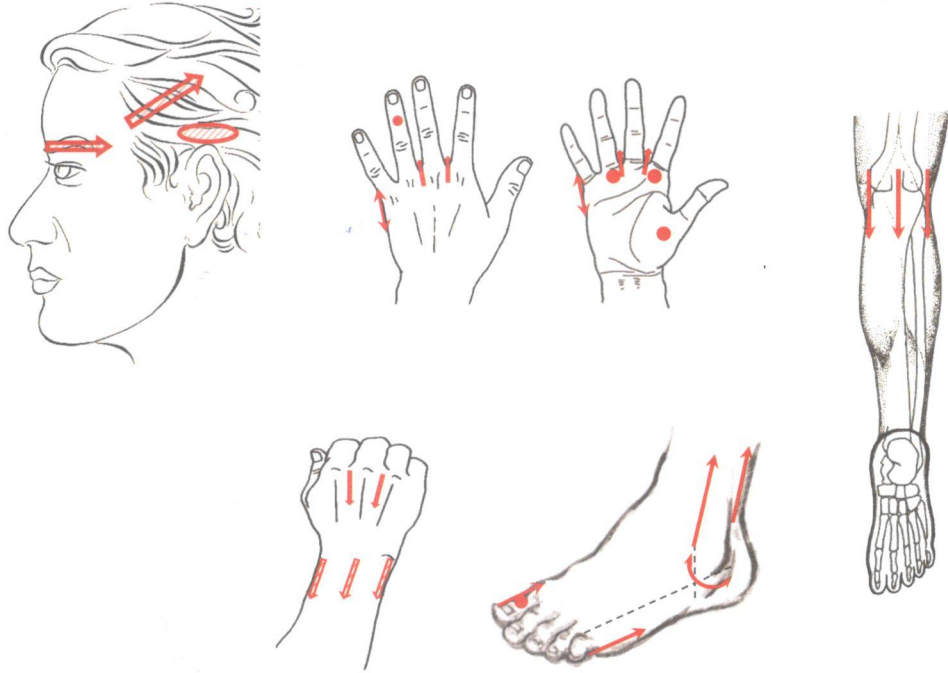


- ❖ Dùng chân và tay đối xứng (trong tư thế đưa lên cao) để vuốt
- ❖ Nếu bị cả hai chân thì dùng cả hai tay

Sinh-Huyệt Ứng Khí Huyết Thông

C. CÁC BỆNH CƠ VÀ KHỚP

1. Cứng Gáy (Stiff Neck), Vẹo Cổ (Torticollis/Wryneck)

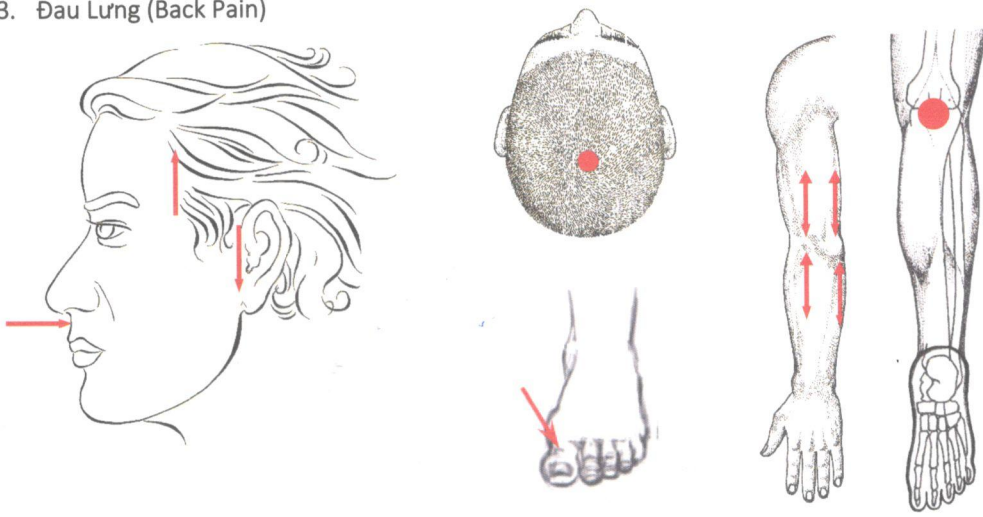


2. Cụp Lưng (Lumbago)

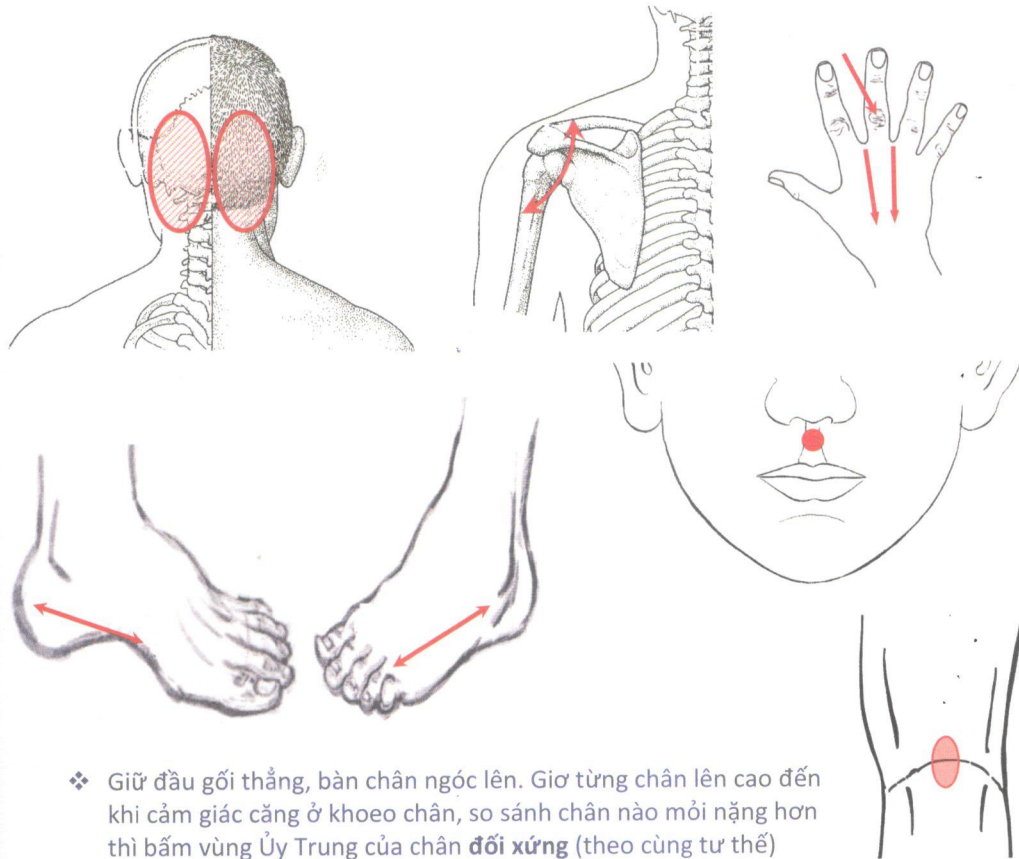


❖ Nếu cần nhúu hay hơ cứu sóng bàn tay theo ranh giới giữa hai làn da Sáng Tối

3. Đau Lưng (Back Pain)

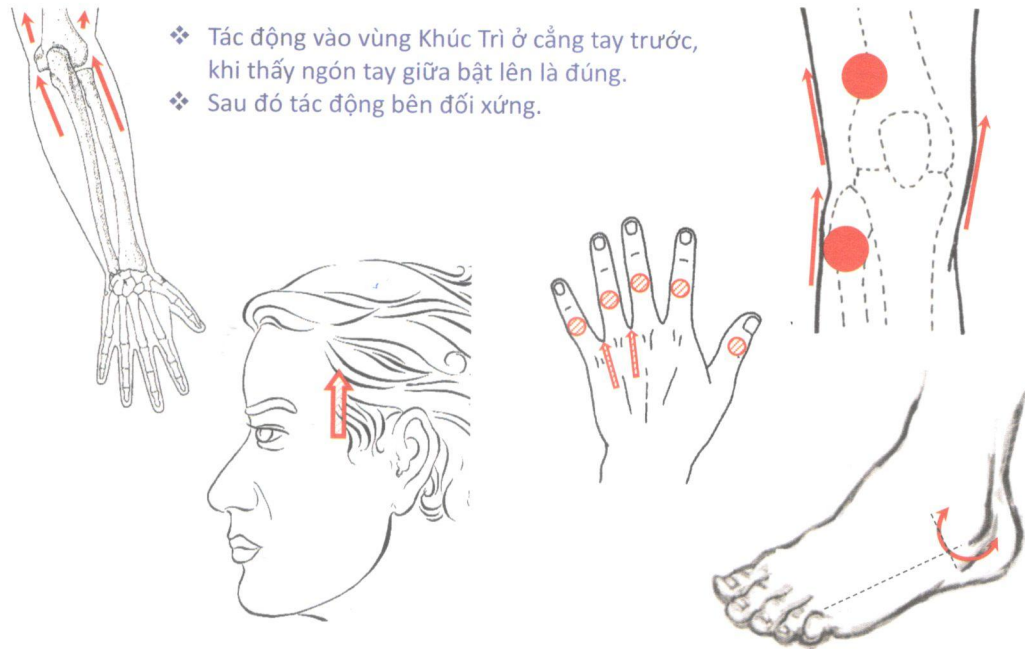


4. Thần Kinh Tọa (Sciatica)



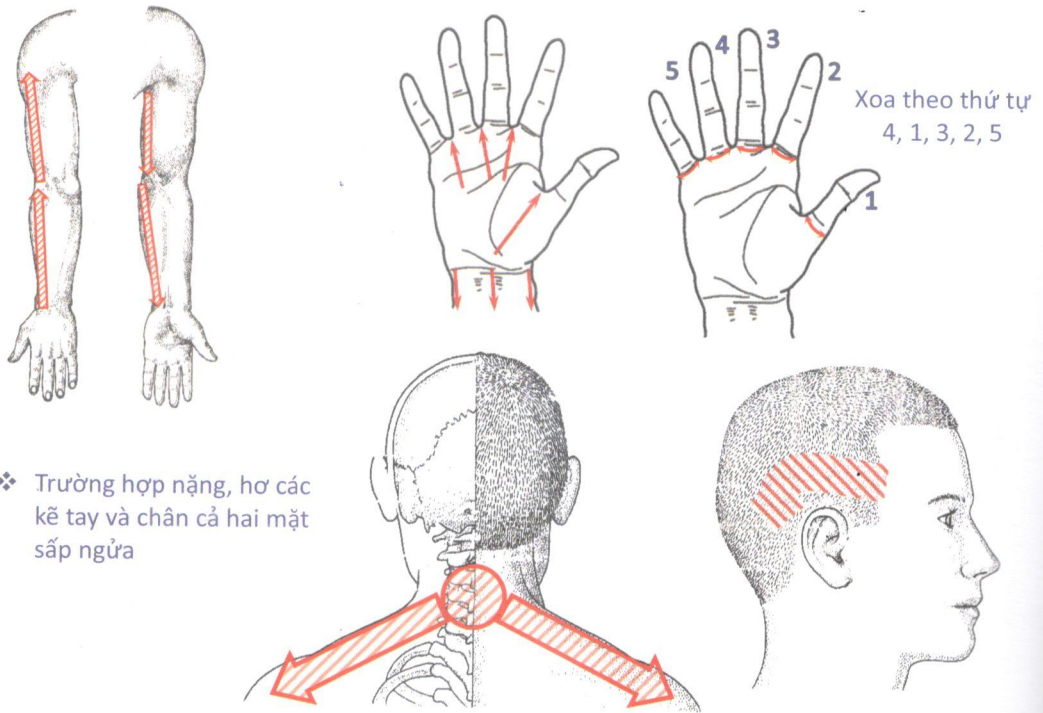
- ❖ Giữ đầu gối thẳng, bàn chân ngóc lên. Giơ từng chân lên cao đến khi cảm giác căng ở khoeo chân, so sánh chân nào mỏi nặng hơn thì bấm vùng Ủy Trung của chân **đối xứng** (theo cùng tư thế)

5. Đau Cùi Chỏ (Tennis elbow)



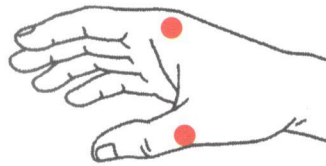
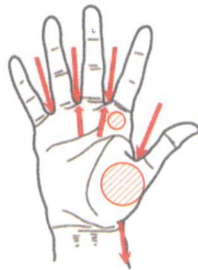
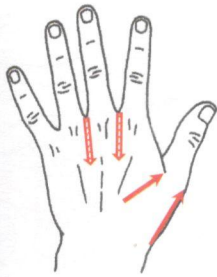
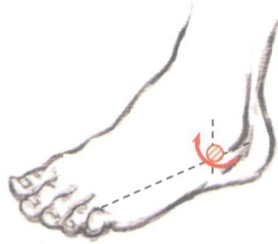
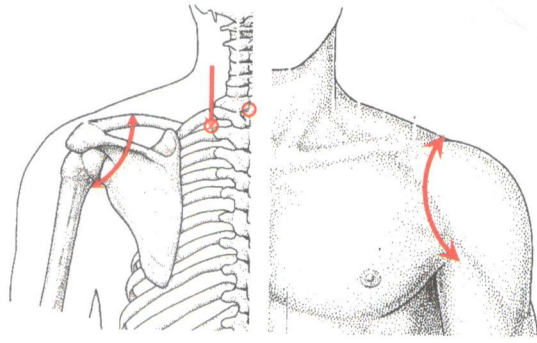
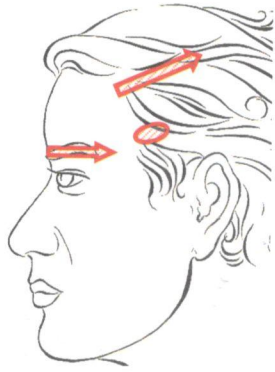
- ❖ Tác động vào vùng Khúc Trì ở cẳng tay trước, khi thấy ngón tay giữa bật lên là đúng.
- ❖ Sau đó tác động bên đối xứng.

6. tê Cánh Tay, tê Ngón Tay (Raynaud's or Numbness in arms/fingers)

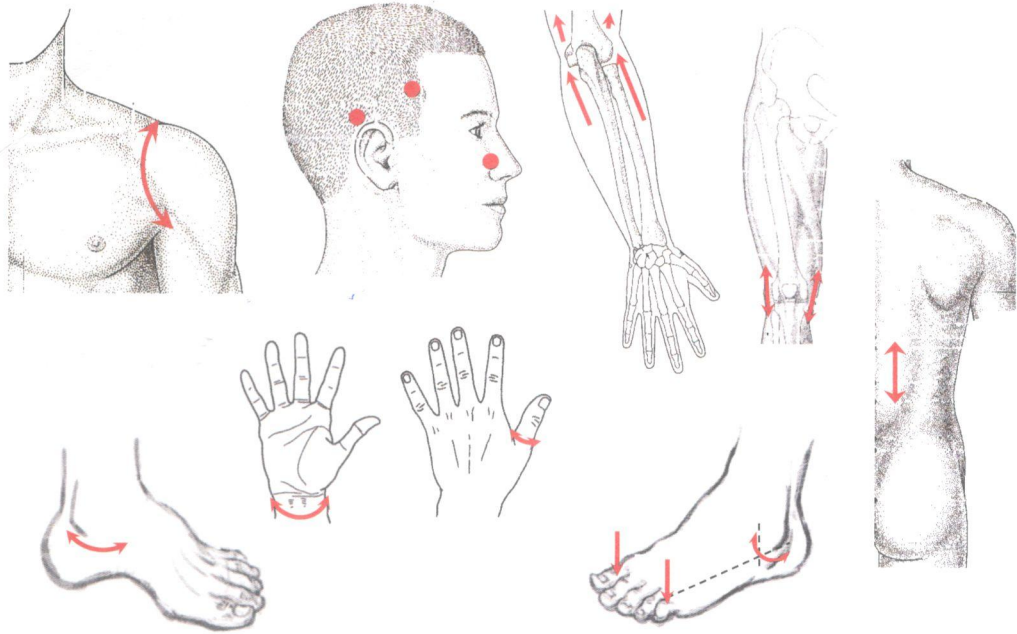


- ❖ Trường hợp nặng, hơ các kẽ tay và chân cả hai mặt sắp ngửa

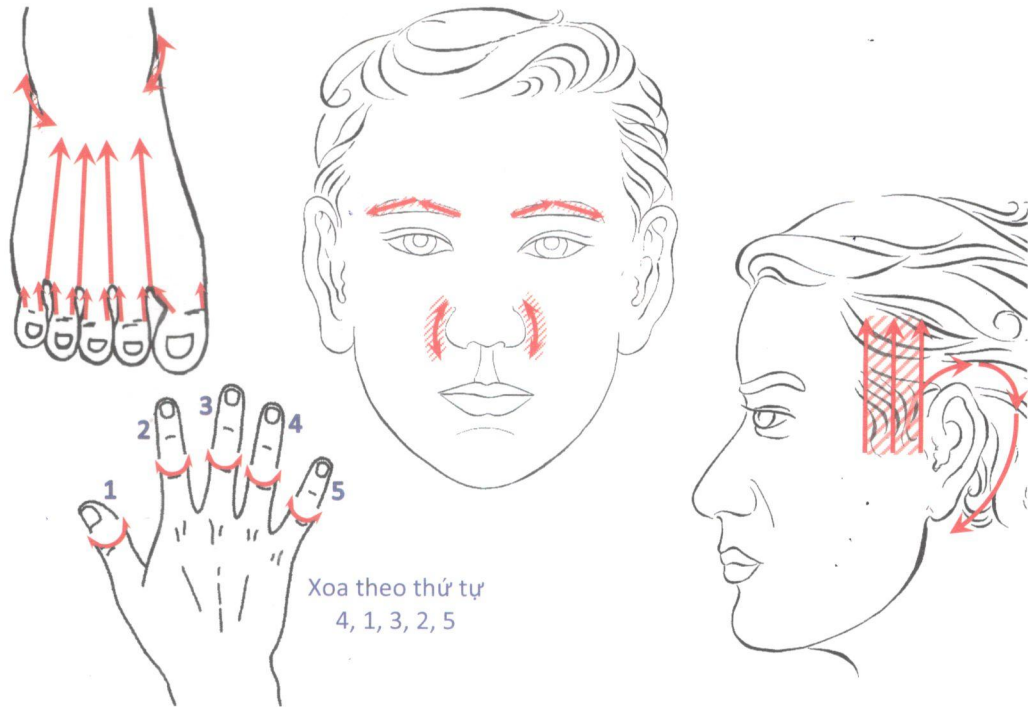
7. Kẹt/Đau Khớp Vai (Shoulder arthralgia)



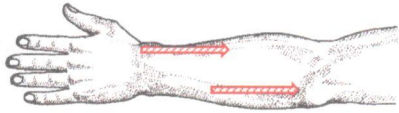
8. Viêm Bao Gân Cổ Tay (Carpal tunnel syndrome)



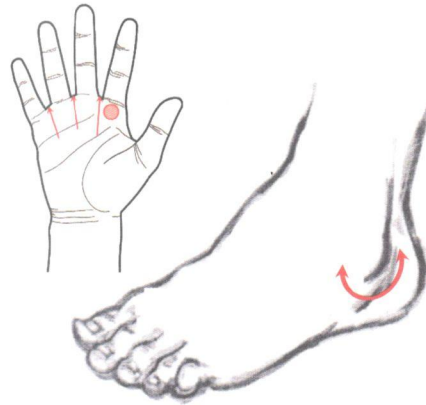
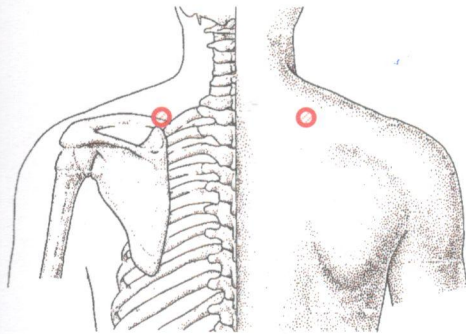
9. Đau Các Khớp Ngón Tay (Finger joint pain)



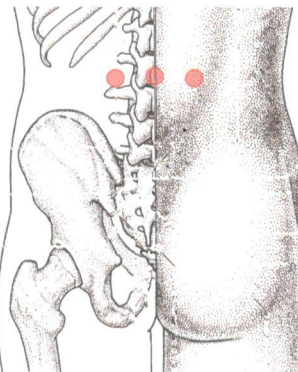
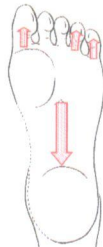
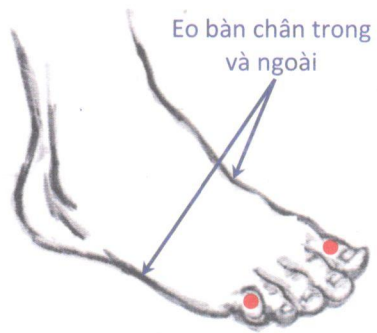
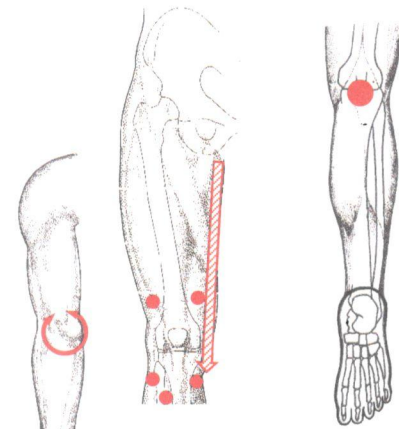
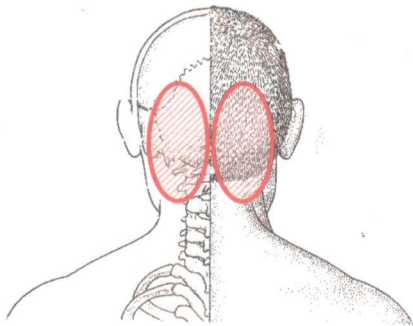
10. Ngón Tay Cò Súng (Trigger Finger)



Tìm điểm đau ở ngón tay bị bệnh. Điểm đau thường xuất hiện ở gò Mộc Tinh. Tác động Sinh-Huyết bên bàn tay đối xứng



11. Viêm Khớp Gối (Knee Arthritis)



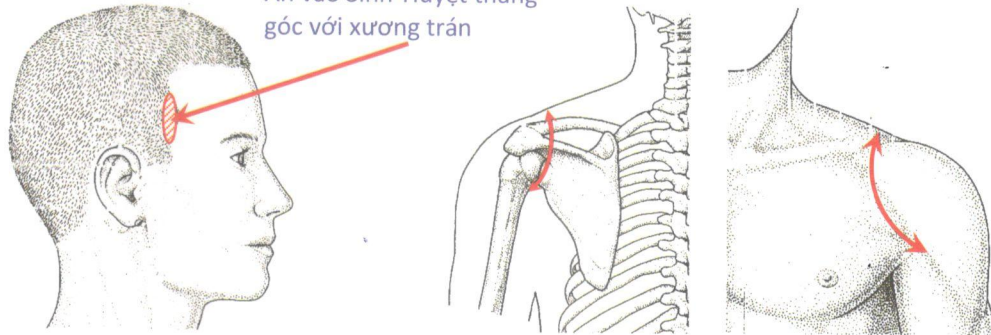
12. Gối Không Khép Được (Jumper's Knee or Patellar Tendonitis)

❖ Giữ đầu gối thẳng, bàn chân ngóc lên. Giơ từng chân lên cao đến khi cảm giác căng ở khoeo chân, so sánh chân nào mỏi nặng hơn thì bấm Ủy Trung của chân đối xứng (theo cùng tư thế)



13. Thốn Gót, Thốn Bàn Chân (Heels/Soles Pain)

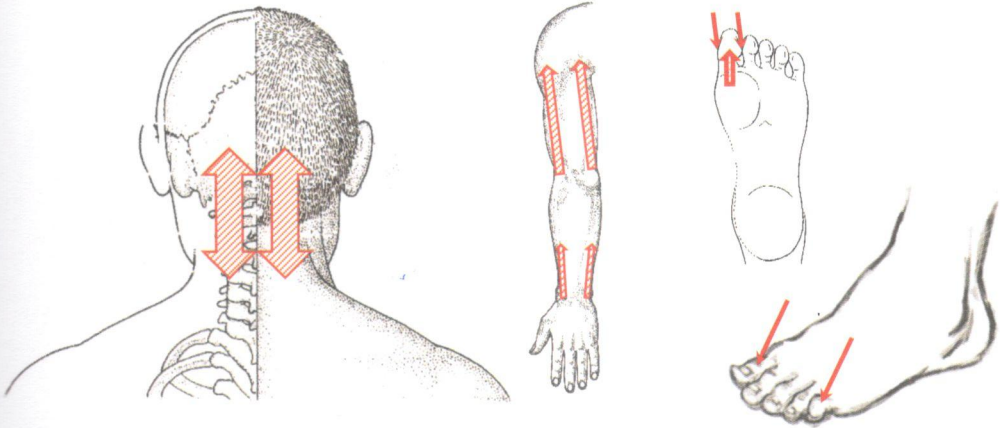
Hướng tác động:
Ấn vào Sinh-Huyết thẳng
góc với xương trán



Đối xứng

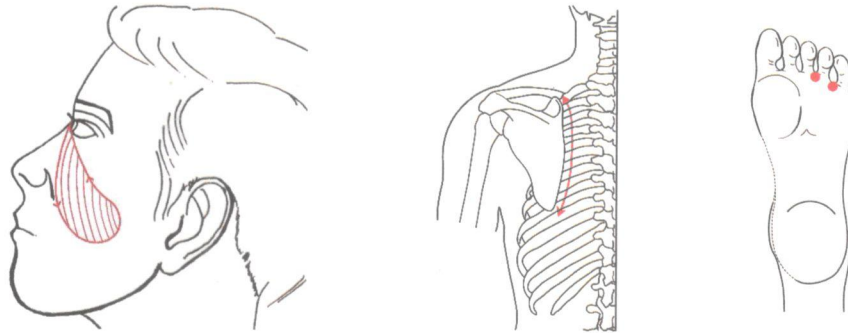
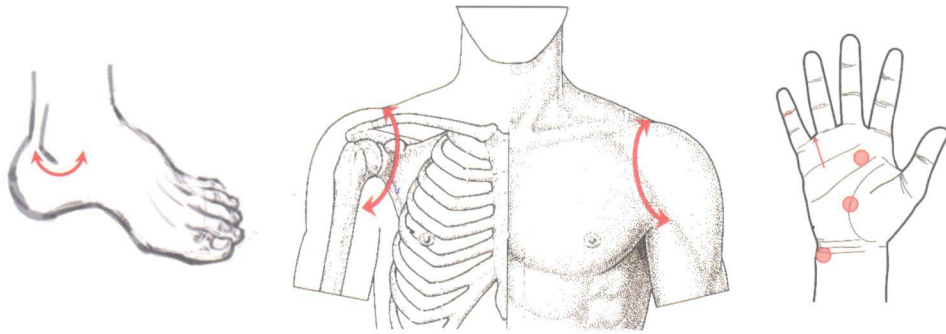


14. Lật Cổ Chân (Twisted Ankle)

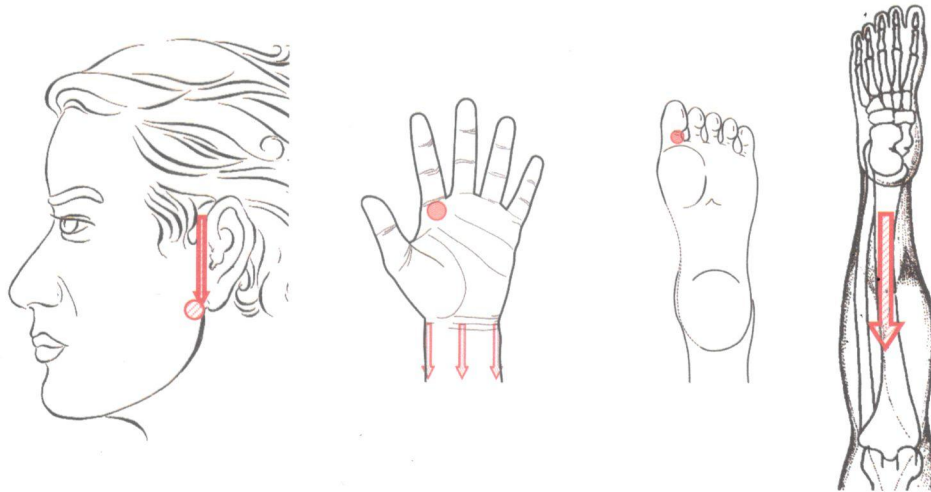


D. CÁC BỆNH LIÊN QUAN HÔ HẤP VÀ TUẦN HOÀN

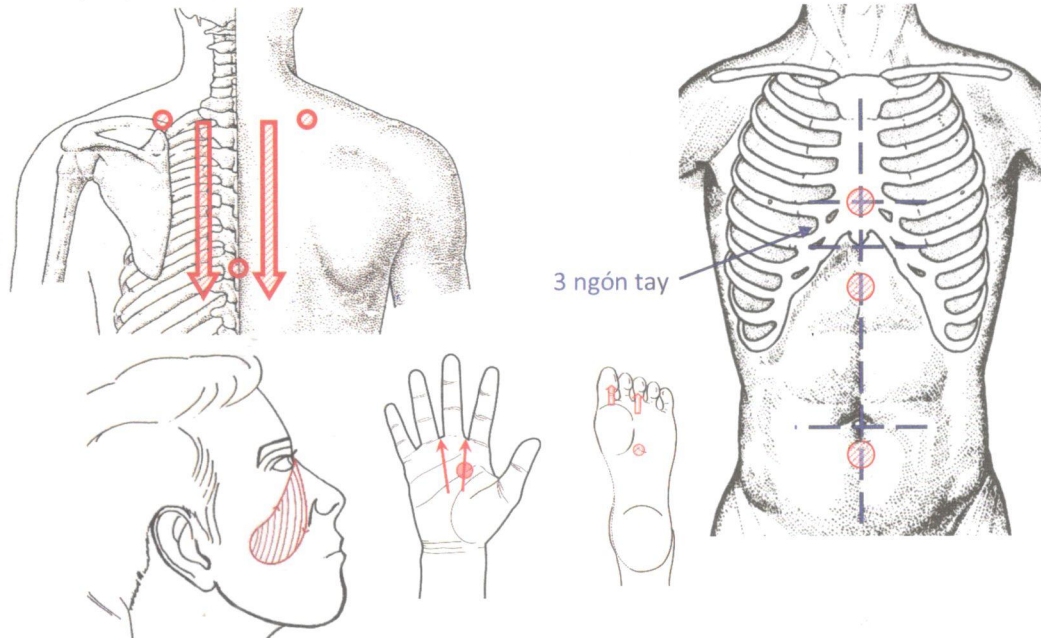
1. Tim Đập Nhanh (Throbbing)



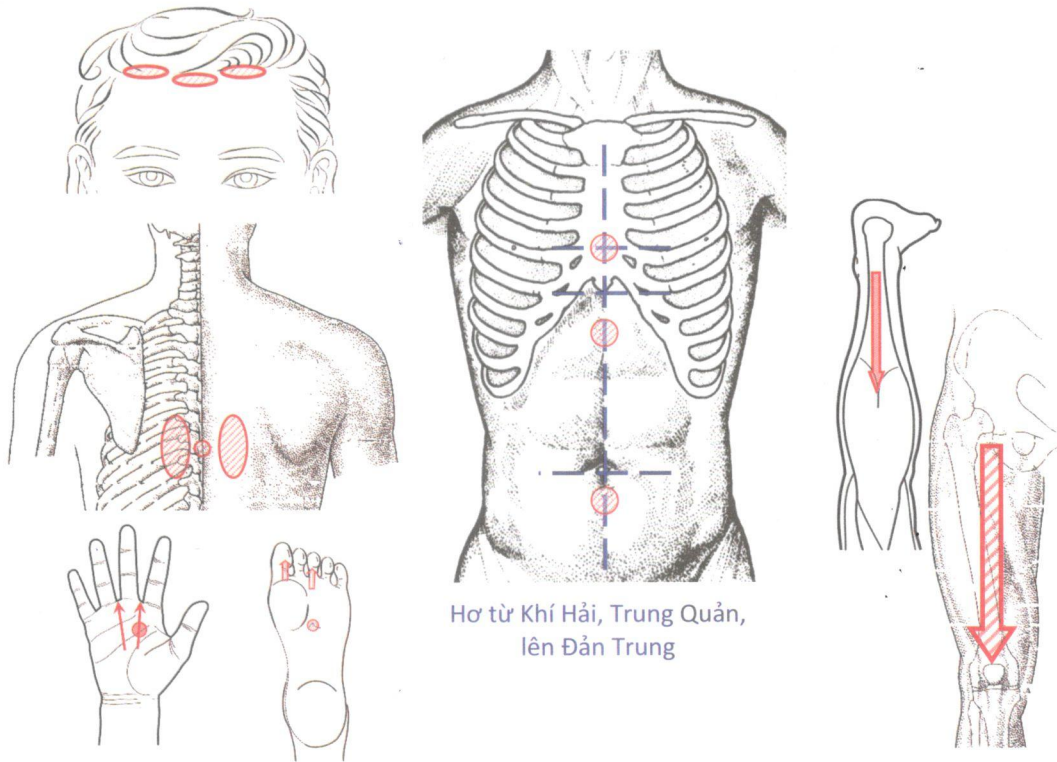
2. Ho (Common Cough)



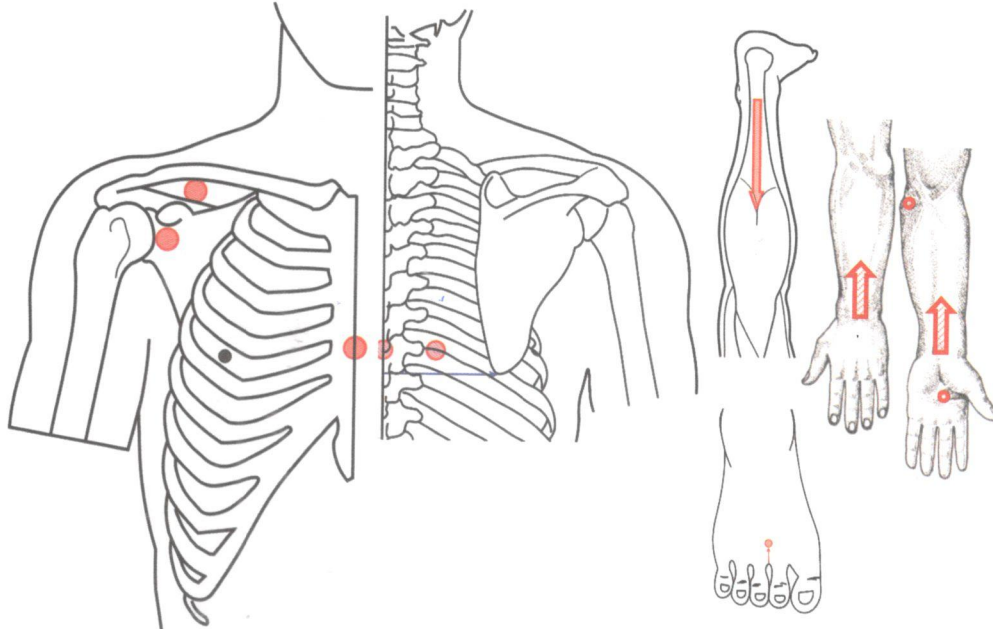
3. Suyễn (Asthma)



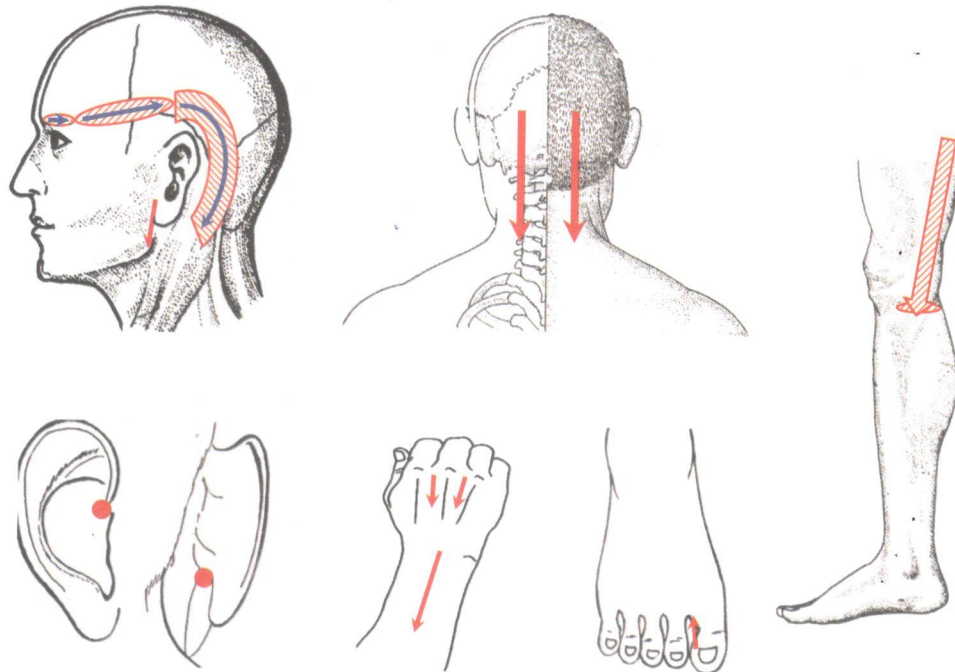
4. Ngủ Bỏ Thở (Sleep Apnea)



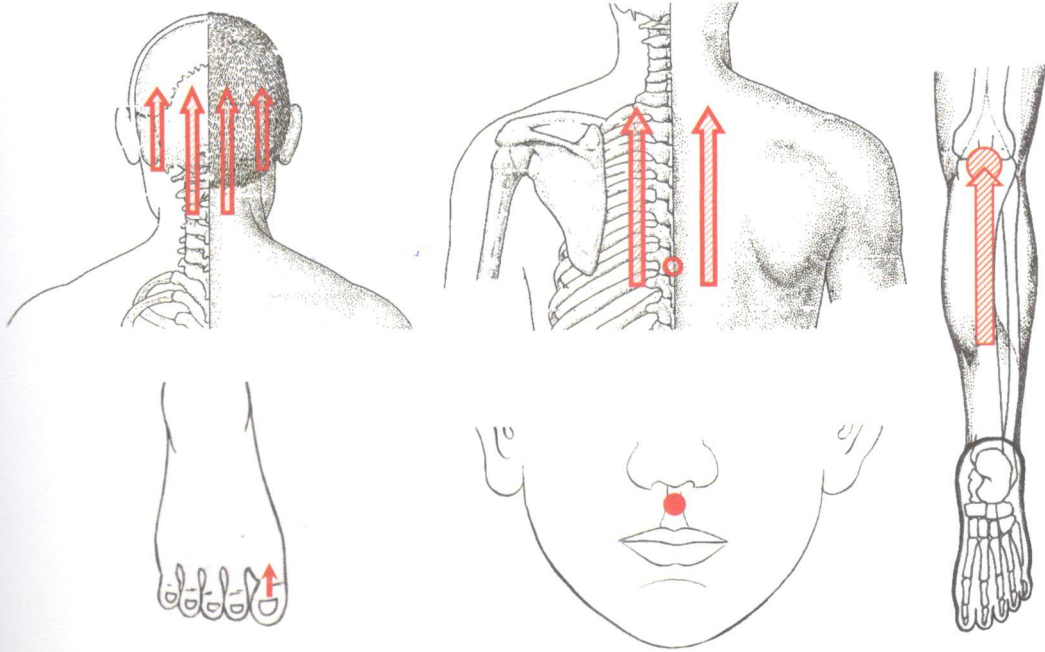
5. Tức Nặng Ngực (Chest pain)



6. Huyết Áp Cao (High Blood Pressure)



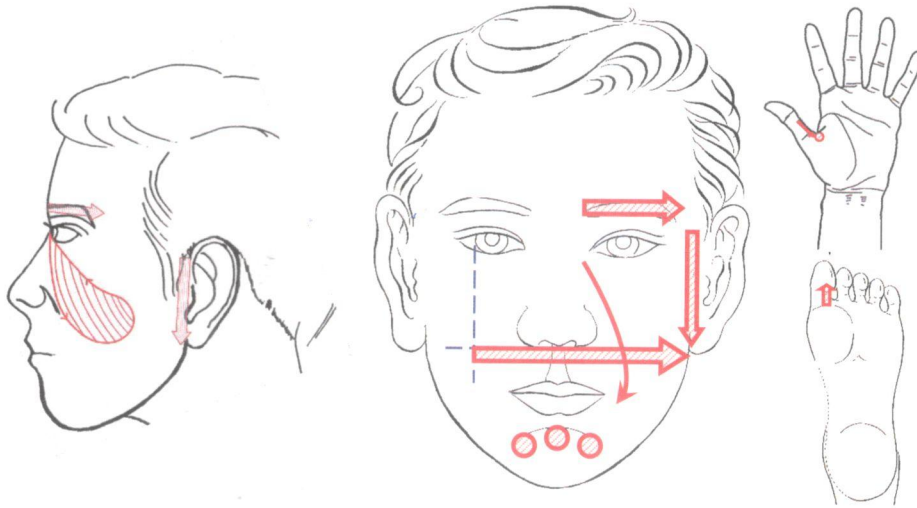
7. Huyết Áp Thấp (Low Blood Pressure)



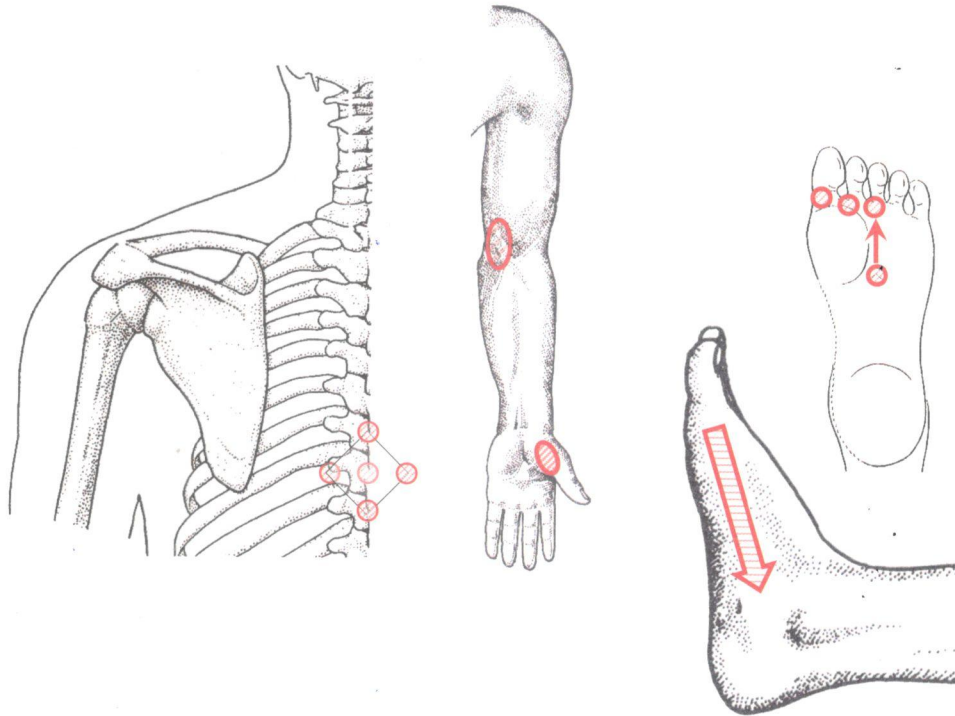
Bệnh nhân bị mất ngủ trầm trọng thường gây ra chứng Huyết Áp thấp. Do vậy chỉ cần giải quyết chứng mất ngủ chứng huyết áp thấp sẽ tự ổn định.

E. CÁC BỆNH TIÊU HÓA

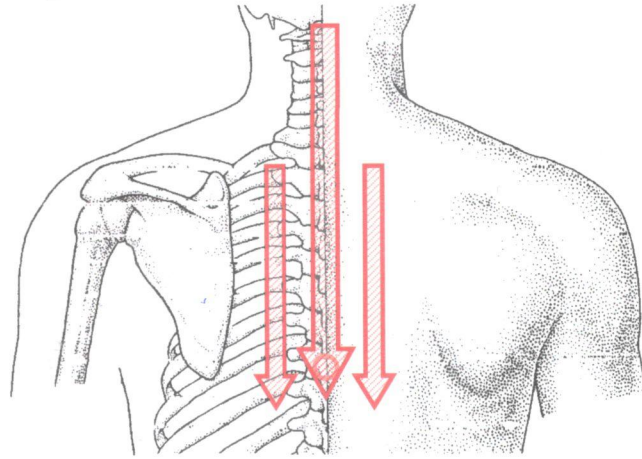
1. Lưỡi Mất Vị Giác (Hemiageusia)



2. Ăn Không Tiêu, Đầy Bụng, Sinh Bụng,Ợ Hơi (Indigestion)



3. Thương Thực, Trúng thực (Food poisoning)



Ghi Chú: Có thể dùng ống giác hơi kéo dọc theo cột sống và hai bên cột sống; lễ những điểm xanh xuất hiện bất thường sẽ có tác dụng nhanh hơn. Có thể dùng máy sấy (hay Ngải Cứu) hơi cứu vào những vùng trên. Trường hợp không có phương tiện chúng ta có thể dùng ngón tay Trỏ và Cái nhứ da vào các vùng chỉ định.

4. Trào Ngược (Acid reflux)

